

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phụng

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Phạm Văn Huynh  
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 883/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 4, ấp 4, xã An P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, ấp 4, xã An P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Xuân S tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An P, huyện L.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không có công việc ổn định, không đi làm kiếm tiền phụ giúp chị nuôi con, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã,

ngoài ra anh S còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Đến năm 2015, do vợ chồng mâu thuẫn nên anh S bỏ về nhà em trai ruột sống tại Khu 4, ấp 8, xã An P, huyện L, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 03 con chung, tên Nguyễn Hoàng Lan A, sinh năm 1999, Nguyễn Hoàng Xuân M, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Hoàng Phương T, sinh ngày 11/12/2009. Hiện cháu Lan A đã trưởng thành nên không yêu cầu xét việc nuôi con và cấp dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề nghị tiếp tục nuôi cháu Xuân M và cháu Phương T, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Xuân S nhưng anh S không đến làm việc và cũng không đến tham dự phiên tòa nên không có lời khai.*

***Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D. Về con chung: Giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Xuân M và cháu Phương T, tạm thời không buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 25 tháng 4 năm 1998) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh S không đến làm việc và không có lời khai nên Tòa không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại Tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã thực sự trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, tự sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh S.

[3]. Về con chung: Có 03 cháu: Nguyễn Hoàng Lan A, sinh năm 1999; Nguyễn Hoàng Xuân M, sinh ngày 16/5/2008; Nguyễn Hoàng Phương T, sinh ngày 11/12/2009.

Xét thấy từ khi ly thân đến nay chị D là người trực tiếp nuôi cả ba cháu con chung, các cháu được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Qua tham khảo ý kiến các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu M và cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị D là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Chị D nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Chị D khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, xử cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân S.

2- Về con chung: Giao hai cháu con chung chưa trưởng thành gồm: Nguyễn Hoàng Xuân M, sinh ngày 16/5/2008; Nguyễn Hoàng Phương T, sinh ngày 11/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Thùy D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Nguyễn Xuân S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Xuân S vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh S có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002790 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị D đã nộp đủ án phí.

5- Chị Nguyễn Thị Thùy D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân S được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã An P, GCNKH số 33 ngày 25/4/1998 (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phụng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Bạch Tuyết**

**Phạm Văn Huỳnh**

**Nguyễn Thị Phụng**